

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày: 25 -01 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN O , TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Cảnh

2. Ông Bùi Văn Lâm.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện O, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà F Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/HSST ngày 03/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Quách Công A - Sinh ngày 10/10/1995. Tên gọi khác: Không tại huyện O, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện O, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quách Công I và bà Cao Thị X; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/9/2018 đến ngày 14/9/2018, từ ngày 30/10/2018 bị bắt và tạm giam. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Trương Văn B - Sinh ngày 07/4/1984. Tên gọi khác: B Ngọng tại X, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu Y, thị trấn Z, huyện X, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn AB và bà Phạm Thị AC; tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/2019/HSST – LCĐKNCT ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bị hại: - Chị Nguyễn Thị C - Sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu BC, TT. BB, huyện BD, tỉnh Thanh Hoá.

- Chị Quách Thị D - Sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện O, tỉnh Thanh Hoá.

- Anh Trần Văn **E** - Sinh năm 1969. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn **DA**, xã **Q**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá.

Người làm chứng: - Anh Quách Công **F** – Sinh năm 1976. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá.

- Ông Quách Văn **G** – Sinh năm 1966. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá

- Cháu Quách Công **H** – Sinh năm 2002. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá

- Anh Quách Công **I** – Sinh năm 1969. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá

- Ông Lê **L K** – Sinh năm 1959. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 7, xã **M K**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá

- Ông Đỗ **F** Thanh – Sinh năm 1959. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Xuân **K**, xã Thúy **K**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá

- Anh Phan Văn **L** – Sinh năm 1991. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá

- Chị Phan Thị Hồng **M** – Sinh năm 1986. Vắng mặt
Địa chỉ: Phố **DC**, thị trấn **O**, huyện **O**, tỉnh Thanh Hoá

*Người giám hộ của cháu **H**:* Anh Quách Công **F** – Bố đẻ cháu **H**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/9/2018, Trương Văn **B** trú tại khu phố 3, thị trấn Thống Nhất, huyện **X** và Nguyễn Văn **AA** trú tại thôn **AD**, xã **AE**, huyện **O** đi xe mô tô đến nhà Quách Công **A** ở thôn **P**, xã **Q**, huyện **O** chơi, sau đó ở lại cùng ăn cơm trưa. Trong lúc ngồi ăn cơm Cường, **A**, **B** bàn nhau đi trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu xài. Ăn cơm xong **A** rủ **B** và Cường đến xưởng mỏ cao su của chị Nguyễn Thị **C** ở thôn **P**, xã **Q** để trộm cắp, đến nơi **B** đứng ngoài cảnh giới, Cường dùng thanh sắt phá khóa cùng với **A** đi vào trong xưởng lấy trộm được 01 chiếc máy biến thế hàn 200A, nhãn hiệu Điện cơ Tiến **A**, rồi chở đi đến thị trấn **O** **B** xuống xe, **A** và Cường chở đến bán cho ông Đỗ **F** Thanh ở thôn Xuân **K**, xã Thúy **K**, huyện **O**, với giá 800.000 đồng, Cường chia cho **A** 300.000 đồng, số còn lại cùng nhau tiêu xài.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 25/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện **O** kết luận, chiếc máy biến thế hàn 200A, nhãn hiệu Điện cơ Tiến **A**, có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra Quách Công **A** còn khai đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 07/9/2018 Quách Công **A** trộm cắp 01 palăng xích, nhãn hiệu Shuang Ge tại xưởng mỏ cao su của gia đình chị Nguyễn Thị **C** ở thôn **P**, xã **Q**, huyện **O** đem bán cho ông Lê **L K** ở thôn 7, xã **M K**, huyện **O**, lấy số tiền 250.000 đồng tiêu xài. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện **O** kết luận, tài sản có trị giá là 300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 26/8/2018 Quách Công **A** trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SAM SUNG J2 của chị Quách Thị **D** ở thôn **P**, xã **Q**, huyện **O** đem bán tại cửa hàng điện thoại Hiếu **M** ở thị trấn **O**, lấy số tiền 700.000 đồng tiêu xài. Quá trình điều tra không đủ tài liệu, chứng cứ để định giá tài sản và người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Vụ thứ ba: Ngày 22/9/2018 Quách Công **A** trộm cắp 01 con gà trống chọi của gia đình anh Trần Văn **E** ở thôn Minh Lâm, xã **Q**, huyện **O** đem bán cho anh Phan Văn **L** ở thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, lấy số tiền 350.000 đồng tiêu xài. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện **O** kết luận: tài sản có giá trị là 490.000 đồng.

Về vật chứng gồm: 01 máy biến thế hàn 200A, nhãn hiệu Điện cơ Tiến **A**; 01 chiếc pa lăng xích kéo tay, hãng Shuang Ge; 01 con gà trống chọi, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu và không yêu cầu bồi thường gì.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với ông Đỗ **F** Thanh đã mua chiếc máy hàn, ông Lê **L K** đã mua chiếc palăng xích với Quách Công **A**, ông Trần Văn **E** đã chuộc lại con gà do Quách Công **A** trộm cắp bán cho Phạm Văn **L** và đối với chị Quách Thị **D** bị **A** trộm cắp chiếc điện thoại, quá trình điều tra ông Thanh, ông **K**, anh **L** và chị **D** không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 01/CT- VKSNL ngày 02/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **O** truy tố các bị cáo: Quách Công **A**, Trương Văn **B(B** Ngọng) về tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về căn cứ pháp luật và mức hình phạt: Viện kiểm sát đề nghị xét xử đối với các bị cáo như sau:

- Căn cứ pháp luật: + Khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017(áp dụng đối với bị cáo **A**).

+ Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017(áp dụng đối với bị cáo **B**).

- Hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo: + Đối với bị cáo **A**: Từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

+ Đối với bị cáo **B**: Từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về án phí HSST: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Người bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, Tòa án có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định xét xử vụ án những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện huyện **O**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện **O**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi: Trưa ngày 08/9/2018 Quách Công **A** và Trương Văn **B** trộm cắp 01 chiếc máy biến thế hàn 200A, nhãn hiệu Điện cơ Tiến **A** tại xưởng mũ cao su của gia đình chị Nguyễn Thị **C** tại thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, tài sản có giá trị là 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, Ngày 07/9/2018 Quách Công **A** trộm cắp 01 chiếc pa lăng xích kéo tay nhãn hiệu Shuang Ge tại xưởng mũ cao su của gia đình chị Nguyễn Thị **C** tại thôn **P**, xã **Q**, huyện **O**, tài sản có giá trị là 300.000 đồng. Ngày 22/9/2018 Quách Công **A** trộm cắp 01 con gà trống chọi của gia đình anh Trần Văn **E** ở thôn Minh Lâm, xã **Q**, huyện **O**, tài sản có giá trị là 490.000 đồng.

Theo lời khai của Quách Công **A** và Trương Văn **B**, ngày 08/9/2018 cùng với Nguyễn Văn Cường trú tại thôn Cao Khánh, xã Cao Thịnh, huyện **O** trộm cắp chiếc máy biến thế hàn của gia đình chị Nguyễn Thị **C** ở thôn **P**, xã **Q**, huyện **O** và đem bán cho ông Đỗ **F** Thanh ở thôn Xuân **K**, xã Thúy **K**, huyện **O** lấy 800.000 đồng tiêu xài, quá trình điều tra Cường không có mặt tại địa phương, chưa có đủ căn cứ để xử lý trong cùng vụ án này, đề nghị Cơ quan điều tra tách vụ việc tiếp tục xác minh, điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý Nguyễn Văn Cường theo quy định của pháp luật sau.

Theo lời khai của Quách Công **A** và Trương Văn **B**, ngày 08/9/2018 cùng với Nguyễn Văn Cường trú tại thôn Cao Khánh, xã Cao Thịnh, huyện **O** trộm cắp chiếc máy biến thế hàn của gia đình chị Nguyễn Thị **C** ở thôn **P**, xã **Q**, huyện **O** và đem bán cho ông Đỗ **F** Thanh ở thôn Xuân **K**, xã Thúy **K**, huyện **O** lấy 800.000 đồng tiêu xài, quá trình điều tra Cường không có mặt tại địa phương, chưa có đủ căn cứ để xử lý trong cùng vụ án này, đề nghị Cơ quan điều tra tách vụ việc tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý Nguyễn Văn Cường sau theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi ngày 26/8/2018 Quách Công **A** trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 của chị Quách Thị **D** và bán cho Cửa hàng Hiếu **M**. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra chưa thu hồi lại được chiếc điện thoại trên, nên chưa xác định được giá trị của chiếc điện thoại để xử lý bị cáo **A**. Đề nghị cơ quan điều tra Công an huyện **O** tách vụ việc này và tiếp tục điều tra

làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý bị cáo **A** theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Đỗ **F** Thanh, ông Lê **L K** và anh Phan Văn **L** đã mua tài sản do Quách Công **A** và đồng phạm trộm cắp, quá trình điều tra xác định khi mua tài sản ông Thanh, ông **K** và anh **L** không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra Công an huyện **O** không đủ căn cứ để xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ **L** quyết định truy tố như bản cáo trạng, các bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: *Trộm cắp tài sản*, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện **O** truy tố các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Quách Công **A**, Trương Văn **B**(tên gọi khác: **B** Ngọng) có đủ các dấu hiệu cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] *Xét tính chất vụ án:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đang còn trẻ, có sức khỏe nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại và nhanh chóng tẩu thoát. Tính chất của vụ án ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung, nên cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[3] *Về vai trò và trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Trong vụ án này các bị cáo cùng bàn bạc nhau và thống nhất đi trộm cắp tài sản; bị cáo **A** là người trực tiếp thực hiện hành trộm cắp tài sản, bị cáo **B** là người cảnh giới cho **A**. Ngoài hành vi này, bị cáo **A** còn thực hiện 03 hành vi trộm cắp khác. Như vậy, vai trò của bị cáo **A** cao hơn vai trò của **B**, nên mức án của **A** cao hơn mức án của **B**.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Tuy nhiên khi lượng hình cần áp dụng điểm r, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017(Điểm s khoản 1 áp dụng đối với bị cáo **A, B**; điểm i khoản 1 áp dụng đối với bị cáo **B**; khoản 2 áp dụng đối với bị cáo **A**) để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, vì tại các cơ quan pháp luật các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo **B** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo **A** tự thú, đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của mình ngày 08/9/2018 và các hành vi trộm cắp trước đó.

Theo lý lịch bị can của các bị cáo thì các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, việc để các bị cáo ngoài xã hội không có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo. Với tính chất của vụ án, thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo **A** trong quá trình điều tra bị tạm giữ từ ngày 11/9/2018 đến ngày 14/9/2018 là 03 ngày, bị cáo được trừ đi thời gian tạm giữ khi quyết định hình phạt.

[5] *Về phần bồi thường thiệt hại*: Theo báo cáo của những người bị hại: Tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt đã được nhận lại, không yêu cầu gì thêm, nên công nhận.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Do các bị cáo công ăn việc làm không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] *Về án phí HSST*: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Quách Công **A**, Trương Văn **B**(tên gọi khác: **B** Ngọng) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Quách Công **A** 09(Chín)tháng tù, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 11/9/2018 đến ngày 14/9/2018 là 03 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại là 08 tháng 27 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 30/10/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn **B**(tên gọi khác: **B** Ngọng) 06(Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Về phần bồi thường thiệt hại: Công nhận người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

Về án phí HSST: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận(hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- VKS ND huyện **O**;
- Chi cục THA DS huyện **O**;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Tại phiên tòa bị cáo Vì Anh **B** thừa nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2017 Vì Anh **B** - sinh năm 1983 đã thực hiện hành vi dùng tay sờ mó, xoa vào bộ phận sinh dục (âm hộ) của cháu Phạm Thị Thanh Tâm, sinh ngày 09/5/2010, tại gia đình Vì Anh **B** ở thôn Kiên Minh, xã Kiên Thọ, huyện **O**. Trong vụ án này, bị cáo chỉ dùng tay sờ mó bộ phận sinh dục của người bị hại nhằm thỏa mãn dục vọng của mình, chứ không có mục đích giao cấu với người bị hại.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ TNHS vì bị cáo rất hối hận, nhận thức rõ đ- ọc những sai phạm của mình và hứa sẽ cải tạo tốt để trở thành công dân có ích.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì Anh **B** phạm tội: “*Dâm ô đối với trẻ em*”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 116 BLHS năm 1999.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội, trái với đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc, làm ảnh h- ỏng xấu đến đời sống văn hoá, trật tự trị an, gây ra nhiều hậu quả khôn l- ờng, làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ em. Do vậy hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm.

Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, bị cáo là ng- ời dân tộc M- ờng; có bố là ng- ời có công với cách mạng đ- ọc tặng th- ờng Huy ch- ơng kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba vì đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên căn cứ các tình tiết quy định tại điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo ch- a có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi c- trú ổn định; vì vậy xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho

hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đối với bị cáo, để cho bị cáo cải tạo tại địa phương d- ới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa ph- ong nơi bị cáo c- trú cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ý thức tuân theo pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 03/02/2017 đến ngày 06/02/2017, căn cứ Nghị quyết 01/2013/NQ — HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP TANDTC thì thời gian này không được trừ khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận thống nhất bồi thường toàn bộ thiệt hại, nên chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên.

Vật chứng: 01 chiếc quần của cháu Phạm Thị Thanh Tâm là vật chứng của vụ án, không còn giá trị, nên căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS năm 1999 để tịch thu tiêu hủy.

Về án phí HSST: Do bị cáo là cá nhân hộ nghèo, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo được miễn nộp tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vì Anh **B** phạm tội : “Dâm ô đối với trẻ em”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 116; điểm b,p,h khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vì Anh **B** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vì Anh **B** cho UBND xã Kiên Thọ, huyện **O**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo và gia đình người bị hại đã giải quyết xong phần bồi thường thiệt hại.

Vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; khoản 1 điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS năm 1999.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần của cháu Phạm Thị Thanh Tâm.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **O** theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/4/2017 và phiếu xuất kho số NK 010 ngày 18/4/2017).

Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **B**.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

